



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001287

Tên học phần: **Phương pháp luận sáng tạo**Mã học phần: **BAA00007**Lớp: **22_1**Ngày thi: **06/05/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	18130158	Lê Hoàng Bách	Tùng								
2	18150359	Phan Thảo	Trang					6		Sáu	
3	19120528	Nguyễn Nhật	Huy					5		Năm	
4	19120614	Lê Nguyễn Tâm	Nhi					9		Chín	
5	19140166	Nguyễn Quang	Khánh					9		Chín	
6	19140294	Trần Thị Quỳnh	Anh					9		Chín	
7	19150034	Phạm Thị Hồng	An					6		Sáu	
8	19150172	Trần Thị Thu	Quỳnh					5		Năm	
9	19150520	Huỳnh Thế	Vĩ					8		Tám	
10	19200367	Phạm Võ Văn	Long					9		Chín	
11	19210041	Nguyễn Nữ Kim	Ngân					9		Chín	
12	20120228	Trần Quốc	Trung					5		Năm	
13	20120299	Cao Chánh	Khải					8		Tám	
14	20120454	Lê Công	Đạt				1	0		Mười	
15	20120546	Nguyễn Đình	Phong					7		Bảy	
16	20130142	Nguyễn Chánh	Tú					8		Tám	
17	20140353	Nguyễn Lê Anh	Quân				1	0		Mười	
18	20180116	Ngô Quốc	Hiệu					9		Chín	
19	20180245	Cổ Ngọc	Hân					7		Bảy	
20	20190044	Lê Hồng	Gấm					8		Tám	
21	20200036	Đỗ Quốc	Huy					9		Chín	
22	21120007	Nguyễn Thanh Hùng	Cường					6		Sáu	
23	21120011	Võ Trung Hoàng	Hung					7		Bảy	
24	21120015	Trần Nam	Khánh					7		Bảy	
25	21120028	Nguyễn Phúc	Tân					9		Chín	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1. <u>Đặng Thị Thuý</u> Chữ ký: <u>[Chữ ký]</u> 2. <u>Trần Thị Lạc</u> Chữ ký: <u>[Chữ ký]</u>	Họ, tên: <u>Việc Thanh Minh Trích</u> Chữ ký: <u>[Chữ ký]</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001288

Tên học phần: **Phương pháp luận sáng tạo**Mã học phần: **BAA00007**Lớp: **22_1**Ngày thi: **06/05/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V à n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21120260	Hồ Duy	Khang					9		Chín	
27	21120314	Hồ Lê Minh	Quân					7		Bảy	
28	21120407	Trần Phan Phúc	Ân					6		Sáu	
29	21120417	Nguyễn Thị Ngọc	Châm					7		Bảy	
30	21120427	Lê Thành	Đạt					9		Chín	
31	21120437	Châu Thanh	Dương					8		Tám	
32	21120440	Chu Quang	Duy					7		Bảy	
33	21120443	Phạm Thê	Duyệt					9		Chín	
34	21120451	Lê Bảo	Hiếu					8		Tám	
35	21120453	Tô Phương	Hiếu					6		Sáu	
36	21120455	Trương Văn	Hoài					7		Bảy	
37	21120457	Lê Minh	Hoàng					9		Chín	
38	21120458	Nguyễn Huy	Hoàng					9		Chín	
39	21120459	Phan Văn	Hoàng					8		Tám	
40	21120460	Nguyễn Tấn	Hùng					6		Sáu	
41	21120462	Đỗ Khải	Hùng					9		Chín	
42	21120470	Nguyễn Võ Nhật	Huy					8		Tám	
43	21120475	Nguyễn Ngọc Như	Huyền					8		Tám	
44	21120479	Phạm Long	Khánh				1	0		Mười	
45	21120481	Châu Hoàng	Khoa					5		Năm	
46	21120486	Võ Minh	Khuê					5		Năm	
47	21120494	Hồ Trọng	Lễ					7		Bảy	
48	21120496	Chu Hải	Linh					9		Chín	
49	21120535	Nguyễn Đình Hoàng	Quân								
50	21120539	Trần Minh	Quang					9		Chín	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001289

Tên học phần: **Phương pháp luận sáng tạo**Mã học phần: **BAA00007**Lớp: **22_1**Ngày thi: **06/05/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
51	21120551	Đàm Từ	Tâm		<i>Tâm</i>	☐		9		Chín	
52	21120568	Lê Nguyễn Phương	Thy		<i>Thy</i>	☐		9		Chín	
53	21120573	Lê Phước Đoan	Trang		<i>Trang</i>	☐		7		Bảy	
54	21120579	Phạm Thị Kiều	Trình		<i>Trình</i>	☐		7		Bảy	
55	21130155	Bùi Thị Minh	Hằng		<i>Hằng</i>	☐		8		Tám	
56	21130222	Lê Dung	Nhi		<i>Nhi</i>	☐		7		Bảy	
57	21140282	Lại Lê Như	Thùy		<i>Thùy</i>	☐		9		Chín	
58	21140290	Nguyễn Thị Chánh	Trúc		<i>Trúc</i>	☐		7		Bảy	
59	21140329	Nguyễn Đường An	Bình		<i>Bình</i>	☐		6		Sáu	
60	21140331	Bùi Phước	Chí		<i>Chí</i>	☐	1	0		Mười	
61	21140342	Nguyễn Mai Thùy	Dương		<i>Dương</i>	☐		5		Năm	
62	21140346	Phạm Huỳnh Bích	Duyên		<i>Duyên</i>	☐		6		Sáu	
63	21140349	Nguyễn Thị Ngọc	Hân		<i>Hân</i>	☐		7		Bảy	
64	21140364	Đào Hoàng Bách	Hỷ		<i>Hỷ</i>	☐		9		Chín	
65	21140387	Trần Đông Trung	Nhân		<i>Nhân</i>	☐		9		Chín	
66	21150226	Nguyễn Thị Kim	Khánh		<i>Khánh</i>	☐		8		Tám	
67	21150239	Hồ Nguyễn Yến	Lan		<i>Lan</i>	☐		9		Chín	
68	21150256	Trần Ngọc Phương	Minh		<i>Minh</i>	☐	1	0		Mười	
69	21150375	Trần Ngọc Phương	Uyên		<i>Uyên</i>	☐	1	0		Mười	
70	21180077	Lê Hưng Thiện	Nhân		<i>Nhân</i>	☐	1	0		Mười	
71	21180080	Doãn Ngọc Yến	Nhi		<i>Nhi</i>	☐		5		Năm	
72	21180096	Nguyễn Ngọc Phương	Thúy		<i>Thúy</i>	☐		7		Bảy	
73	21180197	Nguyễn Khắc	Ngữ		<i>Ngữ</i>	☐		6		Sáu	
74	21180241	Lê Ngọc Yến	Vy		<i>Vy</i>	☐		5		Năm	
75	21180279	Võ Trường	Giang		<i>Giang</i>	☐		8		Tám	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Nguyễn Văn Chung</i> 1) <i>Nguyễn Văn Chung</i> Chữ ký: <i>[Chữ ký]</i> 2) <i>Nguyễn Văn Lợi</i> Chữ ký: <i>[Chữ ký]</i>	Họ, tên: <i>Vũ Văn Minh Triết</i> Chữ ký: <i>[Chữ ký]</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001290

Tên học phần: **Phương pháp luận sáng tạo**Mã học phần: **BAA00007**Lớp: **22_1**Ngày thi: **06/05/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	21180301	Trịnh Gia	Khánh			☐		7		Bảy	
2	21180357	Nguyễn Trần Tuấn	Thanh			☐		7		Bảy	
3	21180362	Bùi Quang	Thiên			☐		8		Tám	
4	21180392	Lê Thuý	Vy			☐		8		Tám	
5	21200316	Ngô Thế	Nam			☐		6		Sáu	
6	21210011	Nguyễn Thượng	Tân			☐		6		Sáu	
7	21210021	Nguyễn Trần	Danh			☐		6		Sáu	
8	21210025	Nguyễn Thị Hương	Giang			☐		9		Chín	
9	21210035	Nguyễn Anh	Thơ			☐		8		Tám	
10	21210036	Hà Anh	Thy			☐		8		Tám	
11	22120197	Nguyễn Vĩnh	Lương			☐	1	0		Mười	
12	22120198	Trịnh Nguyên	Lương			☐		9		Chín	
13	22120209	Huỳnh Công	Minh			☐		9		Chín	
14	22120219	Mai Nhật	Nam			☐		8		Tám	
15	22120222	Võ Văn	Nam			☐		9		Chín	
16	22120223	Thái Đình	Ngân			☐		8		Tám	
17	22120226	Lê Trọng	Nghĩa			☐		8		Tám	
18	22120234	Đào Ngọc Thảo	Nguyễn			☐	1	0		Mười	
19	22130130	Mai Nguyễn Phương	Nhi			☐		8		Tám	
20	22130165	Nguyễn Văn Long	Thành			☐		6		Sáu	
21	22130170	Hồ Tấn	Thông			☐		8		Tám	
22	22130220	Trần Thiện	Vương			☐	1	0		Mười	
23	22140010	Hoàng Hải Quỳnh	Anh			☐		9		Chín	
24	22140023	Lý Thái	Bào			☐		8		Tám	
25	22140030	Lê Lan	Chi			☐		7		Bảy	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:		Họ, tên:		Họ, tên:	
1)	Chữ ký:	1)	Chữ ký:		
2)	Chữ ký:	2)	Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001291

Tên học phần: **Phương pháp luận sáng tạo**Mã học phần: **BAA00007**Lớp: **22_1**Ngày thi: **06/05/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
26	22140075	Huỳnh Văn	Hữu		<i>hvu</i>	☐		9		Chín	
27	22140077	Lê Đoàn Tuấn	Huy		<i>htu</i>	☐	1	0		Mười	
28	22140153	Lê Tấn	Phát		<i>lphat</i>	☐		9		Chín	
29	22140159	Lê Huỳnh Phương	Phúc		<i>lphuc</i>	☐		9		Chín	
30	22170025	Trần Thị Tú	Huệ		<i>thue</i>	☐		7		Bảy	
31	22170060	Hồ Trần Phương	Thảo		<i>thai</i>	☐		7		Bảy	
32	22180046	Lê Thị	Giang		<i>lthg</i>	☐		9		Chín	
33	22180049	Trịnh Quỳnh	Giang		<i>trng</i>	☐		9		Chín	
34	22180195	Đậu Thị Anh	Thư		<i>dtth</i>	☐		6		Sáu	
35	22180221	Nguyễn Mai Tuyết	Ngân		<i>ngmt</i>	☐		7		Bảy	
36	22190056	Võ Ngọc Kim	Ngân		<i>von</i>	☐		8		Tám	
37	22200001	Võ Hữu	Ân		<i>vu</i>	☐		7		Bảy	
38	22200101	Đào Trúc	Mai		<i>dm</i>	☐		6		Sáu	
39	22200113	Nguyễn Thiện	Nhân		<i>ngnh</i>	☐		5		Năm	
40	22200130	Huỳnh Nguyên	Quân		<i>huqn</i>	☐		7		Bảy	
41	22200143	Dương Quốc	Thắng		<i>duyth</i>	☐		9		Chín	
42	22200144	Lê Tiến	Thắng		<i>lth</i>	☐		9		Chín	
43	22200149	Nguyễn Đức	Thịnh		<i>ngth</i>	☐		8		Tám	
44	22200150	Nguyễn Hưng	Thịnh		<i>ngth</i>	☐		8		Tám	
45	22200154	Trần Phước	Thịnh			☒					
46	22220002	Phan Thị Mộng	Cầm		<i>ptm</i>	☐		9		Chín	
47	22220003	Huỳnh Ngọc Minh	Châu		<i>hcm</i>	☐		8		Tám	
48	22220007	Nguyễn Xuân	Dĩ		<i>ngxd</i>	☐		6		Sáu	
49	22220008	Dương Thị Kiều	Diễm		<i>dytk</i>	☐		7		Bảy	
50	22220062	Nguyễn Thủy	Tiên		<i>ngth</i>	☐		8		Tám	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Ng. T. Ngọc Diệp</i> Chữ ký: <i>l</i> 2) <i>Ng. Duy Lộc</i> Chữ ký: <i>ml</i>	Họ, tên: <i>Vũ Thị Ngọc Minh</i> Chữ ký: <i>nhml</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001292

Tên học phần: **Phương pháp luận sáng tạo**

Mã học phần: **BAA00007**

Lớp: **22_1**

Ngày thi: **06/05/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	22250008	Lê Phước	Đăng	1				8		Tám	
52	22250023	Nguyễn Dương	Khải	1				7		Bảy	
53	22250032	Thái Bội	Nghi					9		Chín	
54	22250051	Trần Quang	Thuận					7		Bảy	
55	22250058	Trần Triết	Tường				1	0		Mười	
56											
57											
58											
59											
60											
61											
62											
63											
64											
65											
66											
67											
68											
69											
70											
71											
72											
73											
74											
75											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001293

Tên học phần: **Phương pháp luận sáng tạo**

Mã học phần: **BAA00007**

Lớp: **22_2**

Ngày thi: **06/05/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **E203**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
1	19120601	Phạm Xuân	Nghĩa								
2	19180220	Lâm Quang Bảo	Duy		<i>Duy</i>			7		Bảy	
3	19200379	Nguyễn Quang	Minh		<i>Minh</i>			7		Bảy	
4	19200520	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Tiên		<i>Tiên</i>			7		Bảy	
5	21120075	Trần Minh	Hoàng		<i>Trần</i>			7		Bảy	
6	21120378	Đỗ Hữu Huy	Hoàng		<i>Huy</i>			6		Sáu	
7	21140273	Nguyễn Thị Phương	Thảo		<i>Phương</i>			9		Chín	
8	21140294	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền		<i>Thanh</i>			7		Bảy	
9	21140306	Huỳnh Như	Ý		<i>Ý</i>			7		Bảy	
10	21140312	Vương Gia	Bảo		<i>Gia</i>			8		Tám	
11	21140319	Nguyễn Thị Quỳnh	An		<i>An</i>			9		Chín	
12	21140350	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh		<i>Mỹ</i>			7		Bảy	
13	21140435	Đoàn Đức	Trọng		<i>Đức</i>			8		Tám	
14	21170072	Dương Khải	Đạt								
15	22120082	Trần Quốc	Duy		<i>Quốc</i>			8		Tám	
16	22120103	Vương Nhật	Hiển		<i>Hiển</i>		1	0		Mười	
17	22120212	Trần Đức	Minh		<i>Đức</i>		1	0		Mười	
18	22120233	Nguyễn Thị Tú	Ngọc		<i>Tú</i>			8		Tám	
19	22120241	Võ Hoàng	Nguyên		<i>Hoàng</i>			8		Tám	
20	22120243	Nguyễn Thanh	Nhã		<i>Thanh</i>		1	0		Mười	
21	22120246	Nguyễn Đình	Nhân		<i>Đình</i>			7		Bảy	
22	22120253	Nguyễn Đình Minh	Nhật		<i>Minh</i>			8		Tám	
23	22120257	Đinh Lê Gia	Như		<i>Như</i>			4		Bốn	
24	22120274	Nguyễn	Phúc		<i>Phúc</i>			7		Bảy	
25	22120283	Trần Hữu	Phúc		<i>Hữu</i>			7		Bảy	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Lê Ngọc Thuý Tiên</i> Chữ ký: <i>LNT</i> 2) <i>Phạm Hữu Tuấn Kiệt</i> Chữ ký: <i>PHTK</i>	Họ, tên: <i>Vương Hoàng Minh Tuấn</i> Chữ ký: <i>VHMT</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001294

Tên học phần: **Phương pháp luận sáng tạo**

Mã học phần: **BAA00007**

Lớp: **22_2**

Ngày thi: **06/05/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **E203**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P Thập phần		
26	22120340	Nguyễn Kiều Đức Vinh	Thiên		<i>Thiên</i>	☐		8		Tám	
27	22120374	Vương Nhật	Tín		<i>Tín</i>	☐		8		Tám	
28	22120447	Trương Thịnh	Vượng		<i>Vượng</i>	☐		8		Tám	
29	22120454	Đỗ Duy	Khang		<i>Khang</i>	☐		7		Bảy	
30	22130209	Lê Hoàng	Tuấn			☒					
31	22140009	Dương Trịnh Thê	Anh		<i>trinh</i>	☐		7		Bảy	
32	22140108	Nguyễn Ngọc Gia	Linh		<i>Linh</i>	☐		9		Chín	
33	22150077	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		<i>Bích</i>	☐		9		Chín	
34	22160007	Nguyễn Thị Ái	Lành		<i>Lành</i>	☐		7		Bảy	
35	22170002	Đặng Nguyễn Minh	Anh		<i>Minh</i>	☐		7		Bảy	
36	22170003	Lê Thị Vân	Anh		<i>Vân</i>	☐		6		Sáu	
37	22170006	Nguyễn Lê Phương	Anh		<i>Phuong</i>	☐		7		Bảy	
38	22170008	Lương Gia	Bảo		<i>B. Gia</i>	☐		7		Bảy	
39	22170009	Nguyễn Phúc	Bảo		<i>Phúc</i>	☐		6		Sáu	
40	22170018	Ngô Thanh	Hải		<i>Hải</i>	☐		5		Năm	
41	22170019	Nguyễn Ngọc Gia	Hân		<i>Gia</i>	☐		6		Sáu	
42	22170020	Võ Ngọc	Hân		<i>Ngọc</i>	☐		6		Sáu	
43	22170021	Nguyễn Gia Vinh	Hiên		<i>Hiên</i>	☐		5		Năm	
44	22170022	Bùi Chí	Hiếu		<i>Chí</i>	☐		6		Sáu	
45	22170024	Nguyễn Thanh	Hoài		<i>Thanh</i>	☐		6		Sáu	
46	22170035	Trần Gia	Kiệt		<i>Kiệt</i>	☐		7		Bảy	
47	22170036	Võ Lý Mỹ	Liên		<i>Mỹ</i>	☐		6		Sáu	
48	22170044	Nguyễn Bích	Ngọc		<i>Bích</i>	☐		7		Bảy	
49	22170046	Vũ Trúc	Như		<i>Trúc</i>	☐		7		Bảy	
50	22170050	Nguyễn Thị Mỹ	Phụng		<i>Phụng</i>	☐		8		Tám	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Lê Thị Ngọc Trang</i> Chữ ký: <i>Lê Thị Ngọc Trang</i> 2) <i>Lê Thị Ngọc Trang</i> Chữ ký: <i>Lê Thị Ngọc Trang</i>	Họ, tên: <i>Vương Thị Ngọc Trang</i> Chữ ký: <i>V. Ngọc Trang</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001295

Tên học phần: **Phương pháp luận sáng tạo**Mã học phần: **BAA00007**Lớp: **22_2**Ngày thi: **06/05/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **E203**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
51	22170055	Ngô Thị Mỹ	Quyên		<i>Quyên</i>			6		Sáu	
52	22170056	Nguyễn Ngọc Mỹ	Quỳnh		<i>Quỳnh</i>			9		Chín	
53	22170057	Nguyễn Thành	Tài		<i>Thành Tài</i>			8		Tám	
54	22170058	Võ Hồng	Thắm		<i>Thắm</i>			6		Sáu	
55	22170059	Võ Thị Hồng	Thắm		<i>Thắm</i>			6		Sáu	
56	22170063	Lương Thị Hà	Vy		<i>Vy</i>			5		Năm	
57	22170064	Phan Thị Như	Ngọc		<i>Ngọc</i>			8		Tám	
58	22170068	Lý Ngọc	Thy		<i>Thy</i>		1	0		Mười	
59	22170070	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm		<i>Trâm</i>			6		Sáu	
60	22170077	Phan Anh	Tuấn		<i>Anh Tuấn</i>			7		Bảy	
61	22170083	Phan Bùi Thủy	Vy		<i>Thủy Vy</i>		1	0		Mười	
62	22180018	Nguyễn Thị	Ánh		<i>Ánh</i>			9		Chín	
63	22180022	Trương Kim	Bảo		<i>Bảo</i>		1	0		Mười	
64	22180023	Nguyễn Thị An	Bình		<i>An Bình</i>			8		Tám	
65	22180025	Trương Quang	Chấn		<i>Quang Chấn</i>			6		Sáu	
66	22180027	Trần Minh	Châu		<i>Minh Châu</i>			7		Bảy	
67	22180045	Nguyễn Vi Thảo	Duyên		<i>Vi Thảo</i>			8		Tám	
68	22180062	Phạm Thúy	Hiền		<i>Thúy Hiền</i>			9		Chín	
69	22180072	Nguyễn Quang	Huy		<i>Quang Huy</i>			8		Tám	
70	22180157	Huỳnh Mai	Phương		<i>Phương Mai</i>			8		Tám	
71	22180166	Nguyễn Thị Mỹ	Quyên		<i>Quyên</i>			8		Tám	
72	22180167	Hồ Trần Nhật	Quyên		<i>Trần Nhật Quyên</i>		1	0		Mười	
73	22180168	Ngô Thị Mỹ	Quyên		<i>Quyên</i>			7		Bảy	
74	22180176	Trương Thiện	Tài		<i>Thiện Tài</i>			8		Tám	
75	22180177	Lâm Kim	Tâm		<i>Kim Tâm</i>			7		Bảy	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Le Thị Ngọc Trang</i> Chữ ký: <i>LTNT</i> 2) <i>Phạm Phú Tuấn Kiệt</i> Chữ ký: <i>PKTK</i>	Họ, tên: <i>Vương Huỳnh Anh Tuấn</i> Chữ ký: <i>VHAT</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



22232001296

Tên học phần: **Phương pháp luận sáng tạo**Mã học phần: **BAA00007**Lớp: **22_2**Ngày thi: **06/05/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chức	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	22180178	Trần Võ Minh	Tâm		Tâm	☐		5		Năm	
2	22180180	Đoàn Phan Nhật	Tân		Tan	☐		9		Chín	
3	22180192	Trương Thị	Thiệt		Thiệt	☐		7		Bảy	
4	22180236	Trần Thảo	Vy		Vy	☐		7		Bảy	
5	22190006	Phan Thị Mỹ	Anh		MZ	☐		9		Chín	
6	22190017	Lê Minh	Dự		am	☐		8		Tám	
7	22190024	Trần Trọng Minh	Hải		Hai	☐		7		Bảy	
8	22190025	Nguyễn Hạnh Bảo	Hân		Taykin	☐		6		Sáu	
9	22190033	Phan Ngọc	Hương		huong	☐		7		Bảy	
10	22190046	Phạm Tú	Linh		Tuyen	☐		9		Chín	
11	22190061	Trần Bùi Yến	Nhi		Nhi	☐		5		Năm	
12	22190070	Nguyễn Thị Cẩm	Quyên		Quyên	☐		7		Bảy	
13	22190075	Võ Văn Anh	Tài		Tai	☐		7		Bảy	
14	22190078	Lý Ngọc	Thắm		Tham	☐		8		Tám	
15	22190094	Nguyễn Minh	Tú		Qui	☐	1	0		Mười	
16	22190104	Nguyễn Ngọc Tường	Vy		huong	☐		9		Chín	
17	22200041	Nguyễn Bảo	Duy		Quy	☐		9		Chín	
18	22200050	Bùi Hồng	Hà		Ha	☐		8		Tám	
19	22200060	Nguyễn Thanh	Hoài		Hoa	☐		6		Sáu	
20	22200061	Lê Bảo Gia	Hoàng		gg	☐		9		Chín	
21	22200105	Bùi Khánh Phương	Nam		Nam	☐		8		Tám	
22	22200117	Lê Thị Phương	Nhi		Nhi	☐		7		Bảy	
23	22200118	Nguyễn Uyên	Nhi		Nhi	☐		8		Tám	
24	22200122	Phạm Thành	Phát		Phat	☐		7		Bảy	
25	22200163	Phạm Văn	Tin		Tin	☐		9		Chín	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Nguyễn Anh Tuấn</u> 1) <u>Nguyễn Anh Tuấn</u> Chữ ký: <u>[Chữ ký]</u> 2) <u>Lê Duy Hải</u> Chữ ký: <u>[Chữ ký]</u>	Họ, tên: <u>Vương Thị Anh Ninh Trích</u> Chữ ký: <u>[Chữ ký]</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001297

Tên học phần: **Phương pháp luận sáng tạo**Mã học phần: **BAA00007**Lớp: **22_2**Ngày thi: **06/05/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ă n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chức	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22200170	Đỗ Phan Đức	Trung					7		Bảy	
27	22200171	Nguyễn Quốc	Trung					7		Bảy	
28	22200172	Nguyễn Quốc	Trường				1	0		Mười	
29	22200173	Nguyễn Văn	Trường					7		Bảy	
30	22200174	Hồ Thái	Tú					5		Năm	
31	22200176	Đinh Lâm Quang	Tuấn					3		Ba	
32	22200180	Phạm Thanh	Tùng					8		Tám	
33	22200188	Đoàn Lê Thanh	Toàn					6		Sáu	
34	22220004	Phan Hồng	Châu					7		Bảy	
35	22220005	Quách Thành	Công					7		Bảy	
36	22220012	Võ Hoàng	Duy					8		Tám	
37	22220026	Phạm Ngọc	Minh					5		Năm	
38	22220035	Hồ Như	Nhất					7		Bảy	
39	22220041	Nguyễn Thị Ngọc	Như				1	0		Mười	
40	22220055	Nguyễn Lê Tâm	Thị					8		Tám	
41	22220067	Vũ Phạm Anh	Tú					8		Tám	
42	22250003	Nguyễn Đình Gia	Bảo					6		Sáu	
43	22250005	Phạm Phùng Gia	Bảo				1	0		Mười	
44	22250011	Trần Thùy	Dương					8		Tám	
45	22250014	Lê Phạm Lan	Hà					8		Tám	
46	22250024	Nguyễn Trần Minh	Khoa					8		Tám	
47	22250027	Lê Duy	Khương					9		Chín	
48	22250031	Võ Nguyễn Kim	Ngân					7		Bảy	
49	22250034	Nguyễn Thị	Nhường					7		Bảy	
50	22250043	Trần Quốc	Sơn				1	0		Mười	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:		Họ, tên:		Họ, tên:	
1).....Chữ ký:		1).....Chữ ký:		1).....Chữ ký:	
2).....Chữ ký:		2).....Chữ ký:		2).....Chữ ký:	



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



22232001298

Tên học phần: **Phương pháp luận sáng tạo**

Mã học phần: **BAA00007**

Lớp: **22_2**

Ngày thi: **06/05/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thấp phần		
51	22250046	Nguyễn Khánh	Thi		Thi			8		Tám	
52	22250048	Nguyễn Ngọc	Thiên		Thiên			7		Bảy	
53	22250054	Huỳnh Lê Nhựt	Thủy		Thủy			6		Sáu	
54	22250059	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền		Nguyễn			6		Sáu	
55	22250061	Lương Thị Tường	Vi		Vi			6		Sáu	
56											
57											
58											
59											
60											
61											
62											
63											
64											
65											
66											
67											
68											
69											
70											
71											
72											
73											
74											
75											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Lê Thị Ngọc</u> 1)..... <u>Lê Thị Ngọc</u> Chữ ký: <u>[Chữ ký]</u> 2)..... <u>Nguyễn Thị Thanh</u> Chữ ký: <u>[Chữ ký]</u>	Họ, tên: <u>Vương Thị Minh Trish</u> <u>Vương Thị Minh Trish</u> Chữ ký: <u>[Chữ ký]</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232000361

Tên học phần: **Kỹ thuật lên men công nghiệp**Mã học phần: **BTE10104**Lớp: **19CNS_CLC** Ngày thi: **4/3/23**Giờ thi: **15:30 - 16:30**Phòng thi: **H21**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	18187094	Mai Nhật	Thiện								
2	19180198	Trần Quốc	Bảo					9	0	Chín không	
3	19187001	Trần Đức Thiên	Bảo					6	0	Sáu không	
4	19187032	Nguyễn Vũ	Đạt								
5	19187034	Thái Sơn Minh	Đức					1	5	Một năm	
6	19187044	Trần Giao	Hùng				1	0	0	Mười không	
7	19187083	Lê Nhật Thảo	Quỳnh					7	0	Bảy không	
8	19187088	Lê Quang	Thái					8	5	Tám năm	
9	19187090	Ngô Đức	Thắng				1	0	0	Mười không	
10	19187106	Phan Thị Nhã	Trúc				1	0	0	Mười không	
11	19187120	Phạm Lâm Thiên	Ân								
12	19187124	Trần Nguyễn Nhật	Anh				1	0	0	Mười không	
13	19187125	Vũ Ngọc Minh	Anh				1	0	0	Mười không	
14	19187127	Nguyễn Tấn	Bảo					9	0	Chín không	
15	19187128	Trần Nguyên	Bảo					9	5	Chín năm	
16	19187131	Trần Tuấn	Chương								
17	19187134	Trần Tiến	Đạt					5	5	Năm năm	
18	19187140	Nguyễn Thanh	Duy					7	0	Bảy không	
19	19187142	Phạm Trường	Hải					0	0	Không không	
20	19187152	Trần Huy	Hùng					0	0	Không không	
21	19187153	Quách Hoàng Đăng	Hung					9	5	Chín năm	
22	19187160	Lê Duy	Kiên					7	0	Bảy không	
23	19187170	Phạm Hoàng Trúc	Mai				1	0	0	Mười không	
24	19187176	Trần Bảo	Ngọc					8	5	Tám năm	
25	19187180	Lý Hiền	Nhân					5	5	Năm năm	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:	Họ, tên:	Họ, tên:
1)	1)	1)
Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:
2)	2)	2)



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000362

Tên học phần: **Kỹ thuật lên men công nghiệp**

Mã học phần: **BTE10104**

Lớp: **19CNS_CLC** Ngày thi: **4/3/23**

Giờ thi: **15:30 - 16:30**

Phòng thi: **H2.1**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chức	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
26	19187181	Nguyễn Ngọc Bảo	Nhi		<i>Nhi</i>	☐	1	0	0	Mười không	
27	19187182	Phan Thị Hồng	Nhi		<i>Nhi</i>	☐		3	0	Ba không	
28	19187183	Võ Văn	Nho		<i>Nh</i>	☐		8	5	Tám năm	
29	19187194	Trần Minh	Quân		<i>Quân</i>	☐	1	0	0	Mười không	
30	19187195	Vũ Anh	Quân			☒					
31	19187196	Lâm Minh	Quang		<i>Quang</i>	☐		3	0	Ba không	
32	19187198	Đỗ Duy	Tân		<i>Tân</i>	☐		7	0	Bảy không	
33	19187202	Đặng Thị Thu	Thảo		<i>Thảo</i>	☐	1	0	0	Mười không	
34	19187205	Nguyễn Trường	Thị		<i>Thị</i>	☐		4	0	Bốn không	
35	19187206	Hoàng Hữu	Thiện		<i>Thiện</i>	☐		9	5	Chín năm	
36	19187210	Đặng Ngọc Minh	Thư		<i>Thư</i>	☐		4	5	Bốn năm	
37	19187211	Nguyễn Diệu	Thuận		<i>Thuận</i>	☐		7	0	Bảy không	
38	19187216	Nguyễn Hoàng Bảo	Trần		<i>Trần</i>	☐		5	0	Năm không	
39	19187217	Trần Thị Ân	Trần		<i>Trần</i>	☐		4	5	Bốn năm	
40	19187226	Phạm Ngọc Hoàng	Tùng		<i>Phạm</i>	☐		8	5	Tám năm	
41	19187228	Nguyễn Bùi Trúc	Uyên		<i>Uyên</i>	☐	1	0	0	Mười không	
42	19187234	Bùi Huỳnh Phương	Vy		<i>Vy</i>	☐	1	0	0	Mười không	
43	19187236	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy		<i>Thảo</i>	☐		7	0	Bảy không	
44	19187238	Nguyễn Tường	Vy		<i>Vy</i>	☐	1	0	0	Mười không	
45	19187241	Phạm Quang	Anh		<i>Quang</i>	☐	1	0	0	Mười không	
46	19187242	Đoàn Hồng	Hạnh		<i>Hạnh</i>	☐		3	0	Ba không	
47	19187245	Trần Thế	Minh		<i>Trần</i>	☐		7	0	Bảy không	
48	19187247	Phạm Thị Thu	Thúy		<i>Thúy</i>	☐	1	0	0	Mười không	
49	19187250	Lê Thị Cẩm	Tú		<i>Tú</i>	☐	1	0	0	Mười không	
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Hoàng Văn Chương</i> 1) <i>Hoàng Văn Chương</i> Chữ ký: <i>[Chữ ký]</i> 2) Chữ ký: <i>[Chữ ký]</i>	Họ, tên: <i>Hoàng Văn Chương</i> Chữ ký: <i>[Chữ ký]</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000667

Tên học phần: **Bệnh miễn dịch và các kỹ thuật miễn dịch thông dụng**

Mã học phần: BTE10304

Lớp: 1

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	18180287	Nguyễn Thái Anh	Tài	1				6	8	sáu tám	
2	19150319	Phạm Gia	Hân								
3	19180323	Tân Huỳnh Khả	Nhi	1				9	0	chín	
4	19180352	Lê Anh	Quân	1				7	0	bảy	
5	19180354	Nguyễn Hữu	Quang	1				7	8	bảy tám	
6	20180028	Phan Thị Ngọc	Duyên					5	0	năm	
7	20180054	Nguyễn Thị Thiên	Nga	1				8	5	tám năm	
8	20180070	Trần Tú	Quyên	1				5	3	năm ba	
9	20180103	Đỗ Huy	Du	1				6	5	sáu năm	
10	20180116	Ngô Quốc	Hiệu	1				6	0	sáu	
11	20180131	Võ Phi	Long					7	5	bảy năm	
12	20180190	Nguyễn Ngọc	Xuyến					6	3	sáu ba	
13	20180258	Phan Văn	Hiếu					6	3	sáu ba	
14	20180271	Hà Khánh	Hung	1			1	0	0	mười	
15	20180317	Lê Bình Phương	Nam	1				4	5	bốn năm	
16	19180289	Lê Mạnh Liêm						9	8	chín tám	
17											
18											
19											
20											
21											
22											
23											
24											
25											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: Trần Văn Hiếu 1).....Chữ ký:	Họ, tên: Trần Văn Hiếu Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2).....Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001799

Tên học phần: **Hóa đại cương 1**Mã học phần: **CHE00001**Lớp: **22VYK1**Ngày thi: **28/04/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chức	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	1621081	Lê Thị	Thủy								
2	1715317	Nguyễn Anh	Thư								
3	1719166	Lê Văn	Sỹ								
4	18150229	Huỳnh Thủy	Nhi								
5	18170048	Võ Văn	Hoàn								
6	18170802	Nguyễn Đăng	Khoa					3	0	Ba	
7	18220050	Nguyễn Nhật	Huy					5	5	Năm năm	
8	18230014	Nguyễn Phúc Khang	An					6	0	Sáu	
9	19130069	Trần Anh	Kiệt					1	0	Một	
10	19130118	Nguyễn Bích	Trà					3	5	Ba năm	
11	19150065	Nguyễn Hữu	Đức					4	0	Bốn	
12	19150069	Thái Minh	Duy					5	5	Năm năm	
13	19150332	Hồ Đăng Thảo	Hiền					4	5	Bốn	
14	19150353	Võ Hoài	Khang					2	5	Hai năm	
15	19180283	Trần An	Khánh					2	0	Hai	
16	19180292	Lê Thị Yên	Linh					6	5	Sáu năm	
17	20130012	Nguyễn Duy	Bách								
18	20130026	Đinh Trường Nhật	Khang					5	0	Năm	
19	20130104	Huỳnh Thị Ánh	Minh					1	5	Một năm	
20	20150311	Vũ Thị Tường	Vy					3	5	Ba năm	
21	20180024	Nguyễn Thị Thuý	Dương					3	5	Ba năm	
22	20180086	Trương Nhật	Uyên					4	0	Bốn	
23	20180107	Lê Thị Thùy	Giang					6	0	Sáu	
24	20180195	Lưu Hữu	Phước					3	0	Ba	
25	20180256	Nguyễn Thị Thúy	Hiền								

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Nguyễn Đình Hùng</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Lê Hải Thu</u> Chữ ký:	Họ, tên: _____ Chữ ký: _____
2). <u>Nguyễn Văn Ngọc</u> Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001800

Tên học phần: **Hóa đại cương 1**

Mã học phần: **CHE00001**

Lớp: **22VYK1**

Ngày thi: **28/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V á n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
26	20180351	Đinh Thiên	Phúc					5	0	Năm	
27	20180357	An Đăng	Quang					4	5	Bình năm	
28	20180359	Nguyễn Lê Ngọc	Quỳnh					3	0	Ba	
29	20180366	Văn Tú	Thanh					5	0	Năm	
30	20190006	H' Úc Niê	Kdăm					5	0	Năm	
31	20190044	Lê Hồng	Gấm					4	0	Bốn	
32	20190052	Lê Gia	Hung					4	0	Bốn	
33	20220049	Trần Thị Kiều	Mi					3	5	Ba năm	
34	20220078	Nguyễn Thị Đăng	Thi					3	0	Ba	
35	20230055	Nguyễn An	Thuận					1	5	Một năm	
36	20250021	Nguyễn Đăng	Tiến					0	5	Ít hơn năm	
37	20250029	Phạm Quốc Thái	Hiên					2	0	Hai	
38	20250034	Lê Gia	Huy					6	0	Sáu	
39	20250041	Nguyễn Hoài	Nam					2	0	Hai	
40	20250045	Phùng Thị Huýnh	Như					1	5	Một năm	
41	20250046	Trịnh Ngọc Phương	Như					1	5	Một năm	
42	20250053	Lương Thị Mỹ	Thi					3	5	Ba năm	
43	20250062	Nguyễn Thị Diễm	Xuân					3	0	Ba	
44	21130115	Trương Gia	Bảo					5	5	Năm năm	
45	21250067	Nguyễn Văn Khải	Hoàn					1	0	Một	
46	21260087	Kiều Vạn Anh	Thư					4	5	Bốn năm	
47	22120011	Lê Tuấn	Anh					5	5	Năm năm	
48	22120020	Cao Gia	Bảo					8	5	Đến năm	
49	22120062	Nguyễn Đăng	Điền					6	5	Sáu năm	
50	22120063	Ngô Phương	Đông					5	5	Năm năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Đức Huy... Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Nguyễn Văn... Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001801

Tên học phần: **Hóa đại cương 1**

Mã học phần: **CHE00001**

Lớp: **22VYK1**

Ngày thi: **28/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
51	22120078	Nguyễn Bá	Duy					6	0	Sau	
52	22120084	Phạm Hoàng	Giang					7	0	Đầu	
53	22120086	Nguyễn Công	Giáp					7	0	Đầu	
54	22120088	Văn Hồ Phương	Hà					6	5	Sau năm	
55	22120102	Trần Xuân Minh	Hiền					8	5	Tam năm	
56	22120105	Huỳnh Văn	Hiếu					9	5	Chín năm	
57	22120113	Nguyễn Việt	Hoàng					7	0	Đầu	
58	22120114	Quách Tề	Hoàng					7	5	Đầu năm	
59	22120138	Nguyễn Thành	Huy					6	0	Sau	
60	22120143	Nguyễn Thị	Huyền					9	5	Chín năm	
61	22120176	Trần Như Anh	Kiệt					9	0	Chín	
62	22120180	Đàm Văn	Lâm					7	0	Đầu	
63	22120189	Nguyễn Minh	Lợi					9	5	Chín năm	
64	22120192	Nguyễn Đăng	Long					5	5	Năm năm	
65	22120205	Phan Đức	Mạnh					8	5	Đầu năm	
66	22120239	Phạm Xuân	Nguyễn					9	5	Chín năm	
67	22120247	Nguyễn Hữu Khánh	Nhân					9	5	Chín năm	
68	22120283	Trần Hữu	Phúc					9	0	Chín	
69	22120305	Nguyễn Văn	Quý					8	5	Tam năm	
70	22120333	Nguyễn Quang	Thắng					9	5	Chín năm	
71	22120383	Nguyễn Đăng	Trí					6	5	Sau năm	
72	22120399	Nguyễn Lê Anh	Tú					7	5	Đầu năm	
73	22120400	Trần Anh	Tú					8	0	Tam	
74	22120405	Nguyễn Thanh	Tuấn					9	5	Chín năm	
75	22120406	Võ Anh	Tuấn					9	0	Chín	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên:	Họ, tên:	Họ, tên:
1) Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:
2) Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001797

Tên học phần: **Hóa đại cương 1**Mã học phần: **CHE00001**Lớp: **22VYK1**Ngày thi: **28/04/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F202**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	22120420	Lê Thục	Uyên		<i>Uyên</i>	☐		7	5	Phụ năm	
2	22120452	Phạm Tuấn	Anh		<i>Anh</i>	☐		6	5	Sáu năm	
3	22190011	Phạm Đình	Chương			☒					
4	22190042	Nguyễn Châu	Kiệt		<i>Kiệt</i>	☐		2	0	Hai	
5	22260001	Lê Tuấn	Anh		<i>Anh</i>	☐		8	0	Tám	
6	22260003	Lê Thị	Cầm		<i>Cầm</i>	☐		5	5	Năm năm	
7	22260004	Nguyễn Phú	Cường		<i>Cường</i>	☐		5	0	Năm	
8	22260005	Ngô Nguyễn Thành	Đạt		<i>Đạt</i>	☐		5	0	Năm	
9	22260006	Nguyễn Quốc	Đạt			☒					
10	22260007	Nguyễn Thanh	Đạt		<i>Đạt</i>	☐		6	0	Sáu	
11	22260008	Phạm Tấn	Đạt		<i>Đạt</i>	☐		7	0	Bảy	
12	22260009	Đoàn Thị Bích	Diễm		<i>Diễm</i>	☐		7	0	Bảy	
13	22260010	Nguyễn Thành	Đức		<i>Đức</i>	☐		6	0	Sáu	
14	22260011	Cao Hoàng Gia	Hân		<i>Hoàng Gia</i>	☐		7	0	Bảy	
15	22260012	Nguyễn Huy	Hoàng		<i>Huy</i>	☐		5	5	Năm năm	
16	22260013	Phan Thị Kim	Huệ		<i>Kim</i>	☐		6	5	Sáu năm	
17	22260014	Nguyễn Trần Thanh	Khang		<i>Khang</i>	☐		5	5	Năm năm	
18	22260015	Ngô Thị Phương	Khanh		<i>Phương</i>	☐		5	5	Năm năm	
19	22260016	Nguyễn Nhất	Khánh		<i>Nhất</i>	☐		5	5	Năm năm	
20	22260017	Mai Thái	Khiêm			☒					
21	22260018	Trần Nguyễn Minh	Khôi		<i>Minh</i>	☐		5	5	Năm năm	
22	22260019	Võ Trần Anh	Khôi		<i>Anh</i>	☐		8	5	Tám năm	
23	22260020	Lê Xuân Tùng	Linh			☒					
24	22260021	Mai Thị Nhã	Linh		<i>Nhã</i>	☐		8	5	Tám năm	
25	22260022	Nguyễn Thị Thùy	Linh		<i>Thùy</i>	☐		5	0	Năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Lê Thị Ngọc Hoa</i> Chữ ký: <i>th</i> 2) <i>ĐNT Tâm</i> Chữ ký: <i>te</i>	Họ, tên: <i>Lê Hữu Thọ</i> Chữ ký: <i>Quê</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001798

Tên học phần: **Hóa đại cương 1**Mã học phần: **CHE00001**Lớp: **22VYK1**Ngày thi: **28/04/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F202**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V a n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P Thập phần		
26	22260023	Lý Bảo	Long					5	5	Năm năm	
27	22260024	Vương Uy	Lực					6	0	Sáu	
28	22260025	Lê Quang Khánh	Minh					8	0	Tám	
29	22260026	Nguyễn Thành	Nam					3	5	Ba năm	
30	22260027	Trần Khánh	Ngân					6	0	Sáu	
31	22260028	Trần Hồng Thanh	Nghi					5	5	Năm năm	
32	22260029	Đỗ Thị Bích	Ngọc					7	5	Bảy năm	
33	22260030	Phan Gia	Nguyên					8	0	Bảy	
34	22260031	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như					4	5	Bốn năm	
35	22260032	Trần Quang	Phúc					0	5	Sáu năm	
36	22260033	Lê Vũ	Phương					3	5	Ba năm	
37	22260035	Hàng Hải	Quân					4	0	Bốn	
38	22260037	Nguyễn Minh	Thành					6	0	Sáu	
39	22260038	Nguyễn Phương	Thảo					2	5	Hai năm	
40	22260039	Châu Phước	Thịnh					6	5	Sáu năm	
41	22260040	Đặng Nguyễn Anh	Thư					8	5	Tám năm	
42	22260041	Võ Thị Hà	Thương					5	0	Năm	
43	22260042	Nguyễn Thị Nghi	Thường					3	0	Ba	
44	22260043	Mau Quế	Thy								
45	22260044	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm					6	0	Sáu	
46	22260045	Đỗ Doãn Tri	Tri					4	5	Bốn năm	
47	22260046	Nguyễn Nhật	Trịnh					7	5	Bảy năm	
48	22260047	Nguyễn Hoàng	Tuấn					4	0	Bốn	
49	22260049	Phan Lục Thủy	Vy					6	5	Sáu năm	
50	22260051	Vũ Kiều Phương	Vy					6	5	Sáu năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>ĐNT Tâm</u>Chữ ký: <u>ĐNT Tâm</u> 2) <u>LT Thị Ngọc Hà</u>Chữ ký: <u>LT Thị Ngọc Hà</u>	Họ, tên: <u>Lê Thu Thảo</u> Chữ ký: <u>Lê Thu Thảo</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001600

Tên học phần: **Các phương pháp phổ nghiệm**

Mã học phần: **CHE10027**

Lớp: **21HOH2**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F106**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phân		
1	18140272	Trương Nhật	Nam					4	0	Bớt	
2	19140281	Kim Quang	Hậu					9	0	Chức	
3	19140304	Trần Gia	Bảo					3	5	Ba năm	
4	19140344	Trần Thị Thủy	Dương								
5	19140383	Tô Gia	Hung					6	5	Sáu năm	
6	19140417	Vương Thiên	Kim					8	0	Tám	
7	19140442	Dương Thị Trúc	Mai					7	0	Phục	
8	19140476	Ngô Thị Tố	Nguyên					2	0	Hai	
9	19140492	Lê Hoàng Mẫn	Nhi					8	0	Tám	
10	19140509	Lê Thị	Oanh					5	0	Năm	
11	19140606	Nguyễn Thị Mỹ	Trình								
12	19140612	Nguyễn Nhật	Trường					5	5	Năm năm	
13	19140652	Phan Thị Cẩm	Nhi					8	5	Tám năm	
14	20140323	Châu Văn	Nhật					2	5	Hai năm	
15	20140365	Nguyễn Thành	Tài								
16	21140083	Phạm Ngọc Tố	Như					4	5	Bốn năm	
17	21140258	Trần Phương	Quỳnh					8	0	Tám	
18	21140266	Phan Thị Thu	Thanh					8	5	Tám năm	
19	21140273	Nguyễn Thị Phương	Thảo					8	0	Tám	
20	21140282	Lại Lê Như	Thủy					7	5	Bảy năm	
21	21140290	Nguyễn Thị Chánh	Trúc					6	0	Sáu	
22	21140294	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền					9	0	Chức	
23	21140300	Diệp Thị Thủy	Vy					8	0	Tám	
24	21140302	Hoàng Diệu Thảo	Vy					7	5	Bảy năm	
25	21140306	Huỳnh Như	Ý					7	5	Bảy năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>ĐINH TRUÂN</u> Chữ ký: <u>ĐT</u> 2) <u>HUỖNH KHANG</u> Chữ ký: <u>HK</u>	Họ, tên: <u>LÊ HẢI THỊ</u> Chữ ký: <u>Le Thi</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001601

Tên học phần: **Các phương pháp phổ nghiệm**Mã học phần: **CHE10027**Lớp: **21HOH2**Ngày thi: **26/04/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **F106**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
26	21140312	Vương Gia	Bào			☐	7	5		Bảy năm	
27	21140319	Nguyễn Thị Quỳnh	An			☐	7	0		Bảy	
28	21140322	Nguyễn Đức	Anh			☐	6	0		Sáu	
29	21140323	Nguyễn Thị Minh	Anh			☐	7	0		Bảy	
30	21140326	Trần	Bản			☐	8	0		Tám	
31	21140327	Phạm Thiên	Bào			☐	6	5		Sáu năm	
32	21140329	Nguyễn Đường An	Bình			☐	7	5		Bảy năm	
33	21140330	Nguyễn Ngọc Minh	Châu			☐	4	0		Bốn	
34	21140331	Bùi Phước	Chí			☐	9	0		Chín	
35	21140332	Dương	Cung			☐	3	0		Ba	
36	21140333	Nguyễn Nhật	Cường			☐	9	5		Chín năm	
37	21140334	Trịnh Mạnh	Cường			☐	8	5		Tám năm	
38	21140337	Lê Đức	Diện			☐	8	0		Tám	
39	21140338	Lê Trường Sơn	Đông			☐	8	5		Tám năm	
40	21140339	Nguyễn Bùi Hoàng	Dũng			☐	5	0		Năm	
41	21140340	Nguyễn Đức	Dũng			☐	9	0		Chín	
42	21140342	Nguyễn Mai Thùy	Dương			☐	9	0		Chín	
43	21140344	Trần Ngọc	Duy			☐	8	0		Tám	
44	21140346	Phạm Huỳnh Bích	Duyên			☐	7	5		Bảy năm	
45	21140347	Lê Trần Ngọc	Giàu			☐	8	0		Tám	
46	21140348	Bùi Ngọc	Hân			☐	8	5		Tám năm	
47	21140349	Nguyễn Thị Ngọc	Hân			☐	8	0		Tám	
48	21140350	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh			☐	9	5		Chín năm	
49	21140351	Ngô Quốc	Hậu			☐	7	5		Bảy năm	
50	21140352	Nguyễn Võ Thu	Hiền			☐	8	0		Tám	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký: 2) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001602

Tên học phần: **Các phương pháp phổ nghiệm**Mã học phần: **CHE10027**Lớp: **21HOH2**Ngày thi: **26/04/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **F106**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chức	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
51	21140353	Trần Thị Ngọc	Hiên					8	5	Tên năm	
52	21140354	Võ Thanh	Hiệp					7	0	Đầy	
53	21140357	Đặng Trần Quang	Huy					8	0	Tên	
54	21140359	Trần Văn	Huy								
55	21140361	Nguyễn Khánh	Huyền					8	5	Tên năm	
56	21140362	Nguyễn Lê Minh	Huyền					6	5	Sau năm	
57	21140363	Vũ Lê Diệu	Huyền				1	0	0	Huyền	
58	21140364	Đào Hoàng Bách	Hỹ					8	5	Tên năm	
59	21140365	Lê Nguyễn Bảo	Khang								
60	21140368	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Lan					8	5	Tên năm	
61	21140369	Cao Tú	Linh					7	0	Đầy	
62	21140371	Trần Phương	Linh					6	0	Sau	
63	21140375	Trần Giang Đức	Minh					5	0	Năm	
64	21140377	Bùi Thị Thanh	Ngân					9	0	Chức	
65	21140378	Mai Thị Kim	Ngân					7	5	Bên năm	
66	21140380	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân					7	0	Đầy	
67	21140381	Nguyễn Thoại	Ngân					7	5	Bên năm	
68	21140384	Đỗ Lê Bảo	Ngọc					6	0	Sau	
69	21140385	Lương Như	Ngọc					0	5	Thầy năm	
70	21140387	Trần Đông Trung	Nhân					9	0	Chức	
71											
72											
73											
74											
75											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Phước Hải... Chữ ký:	Họ, tên: Lê Hải Thọ... Chữ ký:	Họ, tên: ... Chữ ký: ...
2) ... Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001598

Tên học phần: **Các phương pháp phổ nghiệm**

Mã học phần: **CHE10027**

Lớp: **21HOH2**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	21140388	Bùi Phương	Nhi				9	5		Chín năm	
2	21140389	Nguyễn Thị Trúc	Nhi				8	0		Tám	
3	21140393	Nguyễn Thị Huỳnh	Như				7	0		Bảy	
4	21140394	Lê Hoàng	Oanh				7	0		Bảy	
5	21140395	Nguyễn Mai Hoàng	Oanh				7	0		Bảy	
6	21140397	Trần Văn	Phú				6	5		Sáu năm	
7	21140399	Huỳnh Phương Song	Phụng				8	0		Tám	
8	21140401	Nguyễn Lan	Phương				6	0		Sáu	
9	21140404	Phạm Lục Phú	Quý				7	5		Bảy năm	
10	21140405	Nguyễn Thị Như	Quỳnh				7	5		Bảy năm	
11	21140406	Phạm Bá Minh	Sang								
12	21140408	Trần Nguyễn Tuệ	Tâm								
13	21140410	Phạm Trần Thiên	Thanh				8	0		Tám	
14	21140411	Trần Xuân	Thao				8	0		Tám	
15	21140412	Hoàng Thị Thu	Thảo				8	0		Tám	
16	21140413	Nguyễn Phương	Thảo				7	0		Bảy	
17	21140414	Nguyễn Thu	Thảo				6	0		Sáu	
18	21140415	Võ Thị	Thảo				8	5		Tám năm	
19	21140417	Huỳnh Minh	Thiện				8	5		Tám năm	
20	21140419	Bùi Anh	Thư				7	5		Bảy năm	
21	21140420	Nguyễn Minh	Thư				6	5		Sáu năm	
22	21140421	Nguyễn Thị Anh	Thư				7	0		Bảy	
23	21140422	Nguyễn Thị Minh	Thư				8	0		Tám	
24	21140425	Phạm Nguyễn Cẩm	Tiên				9	0		Chín	
25	21140426	Nguyễn Minh	Tiên				8	5		Tám năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Nguyễn Thị Yến Nhi</u> 1) <u>Nguyễn Thị Yến Nhi</u> Chữ ký: 2) <u>Nguyễn Thị Yến Nhi</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Trần Thị Ngọc</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Trần Thị Ngọc</u> Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001599

Tên học phần: **Các phương pháp phổ nghiệm**

Mã học phần: **CHE10027**

Lớp: **21HOH2**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thấp phân		
26	21140428	Huỳnh Ngọc	Trâm			☐	6	0		Sau	
27	21140429	Nguyễn Thị Thu	Trang			☐	8	5		Đầu năm	
28	21140432	Vũ Thị Thùy	Trang			☐	8	0		Đầu năm	
29	21140433	Nguyễn Hồng	Triệu			☐	8	0		Đầu năm	
30	21140434	Đinh Thị Ngọc	Trình			☐	7	5		Đầu năm	
31	21140435	Đoàn Đức	Trọng			☐	8	0		Đầu năm	
32	21140437	Trương Thị Thanh	Trúc			☐	6	5		Sau năm	
33	21140438	Nguyễn Văn Quốc	Tuấn			☐	8	5		Đầu năm	
34	21140441	Cao Thanh	Tuyền			☐	8	0		Đầu năm	
35	21140442	Diệp Lê Khánh	Uyên			☐	5	0		Năm	
36	21140443	Đỗ Minh	Uyên			☐	7	5		Đầu năm	
37	21140444	Nguyễn Minh	Uyên			☐	8	0		Đầu năm	
38	21140445	Triệu Hoàng	Uyên			☐	8	5		Đầu năm	
39	21140446	Triệu Phương	Uyên			☐	8	5		Đầu năm	
40	21140447	Lê Thị Thùy	Vân			☐	7	0		Đầu năm	
41	21140449	Nguyễn	Vũ			☐	9	5		Đầu năm	
42	21140450	Lê Mạc Yên	Vy			☐	5	5		Năm năm	
43	21140451	Trần Việt	Ý			☐	8	0		Đầu năm	
44	21140453	Lê Hương	Lan			☐	7	0		Đầu năm	
45	21140454	Nguyễn Thị Thanh	Ngân			☐	4	5		Đầu năm	
46	21140455	Lâm Yến	Nhi			☐	6	5		Sau năm	
47	21140456	Nguyễn Thành	Trung			☐	7	5		Đầu năm	
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên:	Họ, tên:	Họ, tên:
1)	Chữ ký:	Chữ ký:
2)		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM
Giữa kỳ
Học kỳ: 2/22-23

Tên học phần: **Anh văn chuyên ngành 2**

Mã học phần: **CHT00002**

Lớp: **22CKH_2**

Ngày thi: **10/03/2023**

Giờ thi: **14:45**

Phòng thi: **B43**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm											+0.5	Ghi chú
1	22247074	Huỳnh Thị Hồng	Ngọc		<i>Hồng</i>	9.2	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
2	22247075	Nguyễn Huỳnh Minh	Ngọc		<i>Ngọc</i>	8.2	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
3	22247077	Mai Thị Thảo	Nguyên		<i>Mai</i>	8.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
4	22247081	Đinh Nguyễn Quỳnh	Như		<i>Đinh</i>	8.7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
5	22247090	Nguyễn Tấn	Phước		<i>Tấn</i>	8.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
6	22247094	Nguyễn Thu	Phương				(●)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
7	22247095	Vũ Thị Quỳnh	Phương		<i>Phuong</i>	8.1	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
8	22247099	Nguyễn Quyền	Quý		<i>Quy</i>	8.3	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
9	22247100	Nguyễn Thị Thúy	Quyên		<i>Thuy</i>	6.7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
10	22247102	Trần Ngọc	Quỳnh		<i>Ngoc</i>	8.6	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
11	22247103	Trần Minh	Sang		<i>Sang</i>	5.9	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
12	22247104	Dương Thị Hương	Sơn		<i>Huong</i>	7.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
13	22247110	Vũ Phúc	Thành		<i>Phuc</i>	6.9	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
14	22247121	Lữ Phan Đoan	Thư		<i>Phan</i>	6.3	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
15	22247122	Nguyễn Thị Anh	Thư		<i>Anh</i>	8.1	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
16	22247129	Nguyễn Trần Huyền	Trần		<i>Huan</i>	6.6	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
17	22247130	Phạm Minh	Trang		<i>Trang</i>	8.6	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
18	22247131	Trần Minh	Trang		<i>Minh</i>	7.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
19	22247136	Nguyễn Đoàn Đức	Trung	1	<i>My</i>	8.3	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
20	22247137	Nguyễn Đức	Trung				(●)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
21	22247142	An Nguyễn Phước	Vinh	1	<i>An</i>	5.7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
22	22247146	Nguyễn Lê Khánh	Vy	1	<i>Khánh</i>	8.1	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
23	22247150	Vũ Ngọc Nhật	Vy	1	<i>Ngoc</i>	8.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	

Cán bộ coi thi

Họ, tên:
1) *Trần Hoàn Tú*..... Chữ ký: *Trần*
2) *Lê Ngọc Lan*..... Chữ ký: *Lê*

Cán bộ chấm thi

Họ, tên:
Huỳnh Tâm Vũ
Chữ ký: *Huỳnh*

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
.....
Chữ ký:
.....



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM
Giữa kỳ Học kỳ: 2/22-23

Tên học phần: **Anh văn chuyên ngành 2**

Mã học phần: **CHT00002**

Lớp: **22CKH_2**

Ngày thi: **10/03/2023** Giờ thi: **14:45**

Phòng thi: **B42**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm											+0.5	Ghi chú
1	21247200	Nguyễn Lê Linh	Nga		Nga	6.3	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
2	22247007	Dương Lê Châu	Anh		Anh	8.6	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
3	22247008	Lâm Quỳnh	Anh		Anh	8.2	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
4	22247009	Ngô Trần Ngọc	Anh		Anh	7.8	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
5	22247010	Nguyễn Duy	Anh		Duy	9.8	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
6	22247014	Trần Ngọc Tú	Anh		Anh	8.4	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
7	22247017	Trương Thái	Bào		Bào	8.1	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
8	22247018	Đỗ Đình Hồng	Chinh				(x)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
9	22247021	Nguyễn Ngọc Kiều	Diễm		Diễm	7.7	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
10	22247023	Nguyễn Hoàng	Dũng		Dũng	8.5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
11	22247024	Trần Văn	Được		Được	8.6	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
12	22247026	Nguyễn Hoàng Nhất	Duy				(x)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
13	22247033	Đào Ngọc	Hào		Hào	8.7	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
14	22247035	Nguyễn Hữu	Hiếu		Hiếu	4.1	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
15	22247037	Trương Ngọc	Hoàng		Hoàng	4.6	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
16	22247044	Trương Nguyễn Quang	Huy		Huy	8.5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
17	22247045	Nguyễn Đình	Khải		Khải	4.5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
18	22247052	Nguyễn Minh	Khôi		Khôi	8.2	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
19	22247061	Trần Du	Lợi		Lợi	8.2	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
20	22247064	Trần Ánh	Minh		Minh	7.7	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
21	22247066	Ngô Chúc	My		My	7.3	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
22	22247071	Vũ Kim	Ngân		Ngân	4.8	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
23	22247072	Trịnh Trần Mẫn	Nghi		Nghi	8.9	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
24	22247073	Lê Đặng Trọng	Nghĩa		Nghĩa	7.0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
							(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		

Cán bộ coi thi

Họ, tên:
1) Phạm Thị Thu Loan Chữ ký: *Ph*
2) Trần Quang Tài Chữ ký: *Tr*

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: *Nguyễn Tâm Vũ*
Chữ ký: *L*

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001382

Tên học phần: **Thiết kế VLSI**Mã học phần: **ETC10204**Lớp: **20NhungI**Ngày thi: **24/04/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thấp phần		
1	1720141	Trần Lê Bảo	Long								
2	18200066	Mai Minh	Chí					4	0		
3	18200190	Bùi Văn Duy	Nhất					5	0		
4	18200278	Nguyễn Ngọc	Tuấn								
5	19200132	Thái Tường	Minh					2	0		
6	19200154	Nguyễn	Phú					5	0		
7	19200265	Lê Văn	Đạt								
8	19200274	Bùi Quốc	Dũng					3	0		
9	19200307	Võ Trọng	Hiếu					3	0		
10	19200322	Bùi Nguyên	Hưng					4	5		
11	19200402	Phan Văn	Nguyên					1	5		
12	19200411	Phan Cao Ngọc	Nhi					3	5		
13	19200447	Vũ Nguyễn Minh	Quang					1	0		
14	19200487	Bùi Phạm Minh	Thành					2	5		
15	19200565	Nguyễn Minh	Tý					3	0		
16	19200578	Trần Huỳnh Hoàng	Vương								
17	20200003	Nguyễn Cao	Chánh					3	5		
18	20200016	Nguyễn Tiến	Đại					2	5		
19	20200017	Nguyễn Thành	Đạt					7	0		
20	20200018	Phan Thị	Diễm					5	0		
21	20200019	Chúc Trịnh Hùng	Dũng					2	5		
22	20200024	Trần Mai	Giang					1	0		
23	20200051	Nguyễn Hùng	Mạnh					3	0		
24	20200058	Nguyễn Ngọc	Nguyễn					1	5		
25	20200074	Huỳnh Ngọc	Sang								

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1)..... 2).....	Họ, tên:	Họ, tên:
Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001383

Tên học phần: **Thiết kế VLSI**Mã học phần: **ETC10204**Lớp: **20Nhung1**Ngày thi: **24/04/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
26	20200078	Trần Nhật	Tân			☐		3	5		
27	20200085	Nguyễn Văn	Thành			☐		1	0		
28	20200087	Trương Minh	Thành			☐		5	5		
29	20200093	Quách Minh	Thịnh			☐		3	5		
30	20200110	Nguyễn Huy	Trường			☐		2	0		
31	20200129	Nguyễn Hoàng Tuấn	Anh			☐		2	5		
32	20200131	Trương Hoàng	Anh			☐		5	0		
33	20200134	Dương Gia	Bảo			☐		6	0		
34	20200137	Lê Tấn Bảo	Bảo			☐		3	0		
35	20200140	Nguyễn Đức Quốc	Bình			☐		1	5		
36	20200146	Phạm Văn	Công			☐		1	25		
37	20200147	Võ Thành	Công			☐		1	0		
38	20200150	Nguyễn Quốc	Cường			☐		1	5		
39	20200167	Lê Sang	Đồng			☐		4	0		
40	20200171	Nguyễn Trường	Dũng			☐		2	0		
41	20200175	Giang Nguyễn Đức	Duy			☐		3	5		
42	20200179	Nguyễn Ngọc	Duy			☐		0	5		
43	20200180	Nguyễn Phúc	Duy			☐		2	0		
44	20200195	Lâm Quốc	Hiệp			☐		4	0		
45	20200199	Nguyễn Trung	Hiếu			☐		2	0		
46	20200201	Nguyễn Lê Khải	Hoà			☐		0	0		
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



22232001384

Tên học phần: **Thiết kế VLSI**Mã học phần: **ETC10204**Lớp: **20Nhung1**Ngày thi: **24/04/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	20200209	Dương Thị Kim	Huệ			☐		4	0		
2	20200219	Lê Đình	Huy			☐		1	0		
3	20200223	Trần Quốc	Huy			☐		3	0		
4	20200227	Bùi Đặng Quốc	Khánh			☐		5	5		
5	20200228	Nguyễn Phước	Khánh			☐		8	5		
6	20200236	Võ Lê Anh	Khoa			☐		2	0		
7	20200237	Nguyễn Trần Quốc	Khôi			☐		2	5		
8	20200261	Nguyễn Ngọc	Mẫn			☐		2	5		
9	20200265	Nguyễn Thanh	Minh			☐		0	5		
10	20200266	Nguyễn Thị Trà	My			☐		2	0		
11	20200269	Nguyễn Hoài	Nam			☐		0	0		
12	20200274	Nguyễn Hữu	Nghĩa			☐		4	5		
13	20200275	Nguyễn Trung	Nghĩa			☐		8	5		
14	20200281	Phan Dương Khải	Nguyên			☐		2	5		
15	20200282	Trần Văn	Nguyên			☐		3	0		
16	20200286	Huỳnh Trọng	Nhân			☐		7	0		
17	20200287	Lê Vũ Hữu	Nhân			☐		2	0		
18	20200291	Trần Đức	Nhân			☐		1	0		
19	20200292	Lê Thanh Tân	Nhật			☐		3	5		
20	20200295	Tôn Nữ Tâm	Nhi			☐		3	0		
21	20200308	Phạm Vĩnh	Phú			☐		1	5		
22	20200311	Võ Thành	Phúc			☐		3	0		
23	20200323	Lê Hoàng Việt	Quốc			☐		1	5		
24	20200324	Lê Trung Anh	Quốc			☐		2	0		
25	20200331	Trần Hồng	Son			☐		4	5		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
Họ, tên: 2) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001385

Tên học phần: **Thiết kế VLSI**Mã học phần: **ETC10204**Lớp: **20Nhung1**Ngày thi: **24/04/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chức	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	20200333	Nguyễn Minh	Tâm					4	5		
27	20200341	Hoàng Minh	Thanh					3	0		
28	20200353	Nguyễn Tiến	Thông					6	5		
29	20200359	Lê Văn	Tiêm								
30	20200366	Lương Tấn	Toàn					3	5		
31	20200370	Ngô Thị Thu	Trang					3	0		
32	20200379	Huỳnh Trần Quốc	Trung					3	5		
33	20200390	Trần Văn	Trường					3	5		
34	20200395	Phạm Gia	Tuấn					4	5		
35	20200398	Huỳnh Văn	Tuấn					0	5		
36	20200401	Nguyễn Anh	Tuấn					2	5		
37	20200402	Nguyễn Anh	Tuấn					2	0		
38	20200403	Nguyễn Hoàng	Tuấn					3	5		
39	20200404	Nguyễn Văn	Tuấn					5	0		
40	20200405	Phan Quốc	Tuấn					2	0		
41	20200414	Nguyễn Thiện	Văn					7	5		
42	20200416	Phan Thành	Văn					5	5		
43	20200417	Trần Nguyễn Đạt	Văn					2	0		
44	20200420	Tôn Đức Phú	Vĩnh					2	0		
45	20200421	Nguyễn Hoàng	Vũ					2	0		
46											
47											
48											
49											
50											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001386

Tên học phần: **Thiết kế VLSI**Mã học phần: **ETC10204**Lớp: **20Nhung2**Ngày thi: **24/04/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	19200077	Hoàng Hữu	Hân			☐		1	5		
2	19200116	Lê Tuấn	Kiệt			☐		2	0		
3	19200179	Âu Dương	Thành			☐		3	5		
4	19200222	Trần Viết Anh	Việt			☐		1	0		
5	19200235	Lê Trần Tuấn	Anh			☐		4	0		
6	19200238	Nguyễn Thị Tú	Anh			☐		1	5		
7	19200239	Nguyễn Tuấn	Anh			☐		5	0		
8	19200245	Đỗ Đặng Quốc	Bào			☐		5	0		
9	19200251	Hồ An	Bình			☐		4	0		
10	19200254	Võ Hà Bảo	Chánh			☐		4	5		
11	19200259	Nguyễn Văn	Cừ			☐		4	0		
12	19200269	Nguyễn Xuân	Đạt			☐		3	0		
13	19200270	Võ Thành	Đạt			☐		4	0		
14	19200271	Võ Triều	Đạt			☐		5	5		
15	19200275	Nguyễn Minh	Dũng			☐		4	0		
16	19200284	Phạm Khánh	Duy			☐		5	5		
17	19200287	Dương Hải	Giang			☐		6	0		
18	19200293	Nguyễn Phan	Hào			☐		5	0		
19	19200298	Nguyễn Thị Thúy	Hiền			☐		4	0		
20	19200303	Hà Minh	Hiếu			☐		3	5		
21	19200308	Vương Minh	Hiếu			☐		3	0		
22	19200316	Nguyễn Quốc	Hoàng			☐		3	5		
23	19200317	Phạm Việt	Hoàng			☐		6	5		
24	19200319	Phạm Vũ	Hợp			☐		5	0		
25	19200339	Hồ Đức	Khánh			☐		5	5		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Phạm Việt Dũng</u> 1) <u>Phạm Việt Dũng</u> Chữ ký: <u>Phạm Việt Dũng</u> 2) <u>Phạm Việt Dũng</u> Chữ ký: <u>Phạm Việt Dũng</u>	Họ, tên: <u>Đỗ Văn Minh</u> Chữ ký: <u>Đỗ Văn Minh</u>	Họ, tên: <u>Đỗ Văn Minh</u> Chữ ký: <u>Đỗ Văn Minh</u>



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001387

Tên học phần: **Thiết kế VLSI**Mã học phần: **ETC10204**Lớp: **20Nhung2**Ngày thi: **24/04/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thấp phân		
26	19200342	Nguyễn Duy	Khánh								
27	19200344	Diệp Đăng	Khoa					3	5		
28	19200345	Ngô Thái Đăng	Khoa					1	0		
29	19200347	Trần Đăng	Khoa					4	5		
30	19200353	Nguyễn Duy Anh	Kiệt					4	0		
31	19200358	Võ Nhật	Lam					3	0		
32	19200359	Nguyễn Thừa	Lâm					5	0		
33	19200368	Nguyễn Vũ	Luân					5	0		
34	19200391	Bùi Phạm Ngọc	Nga					5	0		
35	19200393	Hà Văn	Nghĩa					5	0		
36	19200410	Phạm Quốc	Nhật					5	0		
37	19200424	Trần Kiến	Phong					2	0		
38	19200425	Đỗ Đức	Phú					4	5		
39	19200430	Đặng Thanh	Phúc								
40	19200432	Lê Nguyễn Hoàng	Phúc					2	0		
41	19200437	Nguyễn Hữu	Phước					5	0		
42	19200446	Phan Đức Công	Quang					5	0		
43	19200453	Lê Công	Quỳnh					5	5		
44	19200456	Lê Bá	Sinh					6	5		
45	19200461	Nguyễn Ngọc	Sơn					4	0		
46	19200470	Nguyễn Thanh	Tâm					1	5		
47	19200479	Cao Bình	Thắng					4	0		
48	19200495	Huỳnh Chí	Thật					3	0		
49	19200500	Huỳnh Thanh	Thịnh					3	5		
50	19200502	Mai Hữu	Thịnh					1	5		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Phan Việt Long</u> 1).....Chữ ký: <u>[signature]</u> 2).....Chữ ký: <u>[signature]</u>	Họ, tên: <u>Quốc Minh Đoàn</u> Chữ ký: <u>[signature]</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



22232001388

Tên học phần: **Thiết kế VLSI**Mã học phần: **ETC10204**Lớp: **20Nhung2**Ngày thi: **24/04/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **E303**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	19200511	Nguyễn Ngọc	Thuần		<i>Thuần</i>	☐		2	5		
2	19200515	Trần Nguyễn Hoà	Thuận		<i>th</i>	☐		7	5		
3	19200516	Đặng Thị	Thương		<i>gdk</i>	☐		3	0		
4	19200519	Nguyễn Hà	Tiên		<i>han</i>	☐		2	0		
5	19200524	Đinh Khắc	Toàn		<i>dk</i>	☐		1	5		
6	19200527	Võ Hữu	Trai		<i>HL</i>	☐		4	0		
7	19200538	Lê Viết	Trung		<i>Truy</i>	☐		5	5		
8	19200543	Phạm Đức	Truyền		<i>Truyền</i>	☐		3	0		
9	19200549	Lê Trần Quang	Tuấn		<i>Quang</i>	☐		5	5		
10	19200562	Kiều Hữu	Tuyên		<i>Tuyen</i>	☐		1	5		
11	19200568	Đỗ Gia Quốc	Việt		<i>Quoc</i>	☐		5	5		
12	19200574	Lê Tiến	Vũ		<i>ti</i>	☐		6	0		
13	19200579	Nguyễn Doãn Yến	Vy		<i>Yen</i>	☐		2	0		
14	20200042	Lê Hoàng	Khải		<i>Khail</i>	☐		0	0		
15	20200044	Hồ Gia	Khiêm		<i>Khiem</i>	☐		3	0		
16	20200100	Đinh Ngô	Tiên		<i>Tien</i>	☐		1	0		
17	20200116	Doãn Nguyễn	Võ		<i>Võ</i>	☐		2	0		
18	20200126	Trần Hồng	Ân		<i>An</i>	☐		3	0		
19	20200139	Nguyễn Đoàn An	Bình		<i>An</i>	☐		6	0		
20	20200151	Võ Hoàng Huy	Cường		<i>Huy</i>	☐		2	5		
21	20200160	Hồ Thành	Đạt		<i>Dat</i>	☐		5	5		
22	20200169	Trần Khánh	Dur		<i>Dur</i>	☐		4	5		
23	20200173	Từ Tùng	Dương		<i>Tung</i>	☐		2	0		
24	20200185	Nguyễn Đình Thiên	Hào		<i>Thien</i>	☐		2	0		
25	20200198	Lê Minh	Hiếu		<i>Hieu</i>	☐		3	0		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Thị Chung Thuý</i> Chữ ký: <i>NTCT</i> 2) <i>Trần Thành Hoàng</i> Chữ ký: <i>TH</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Đình Thiên</i> Chữ ký: <i>NT</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001389

Tên học phần: **Thiết kế VLSI**

Mã học phần: ETC10204

Lớp: **20Nhung2**

Ngày thi: **24/04/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **E303**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thấp phần		
26	20200207	Nguyễn Thanh	Hoàng					3	5		
27	20200208	Phạm Anh	Hoàng					3	5		
28	20200211	Bùi Quốc	Hưng					1	5		
29	20200215	Nguyễn Văn Duy	Hưng					1	5		
30	20200218	Hồ Viết Đức	Huy					4	0		
31	20200229	Nguyễn Quốc	Khánh					4	5		
32	20200253	Nguyễn Hữu	Luân					1	0		
33	20200256	Nguyễn Hữu	Luật					0	0		
34	20200273	Huỳnh Bích	Ngân					0	0		
35	20200313	Nguyễn Gia	Phụng					1	5		
36	20200314	Nguyễn Hữu	Phước					1	5		
37	20200315	Huỳnh Thị Mai	Phương					1	5		
38	20200325	Nguyễn Đình	Quý					1	5		
39	20200329	Nguyễn Trường	Son								
40	20200344	Đặng Quốc	Thiện					4	0		
41	20200346	Lê Hưng	Thịnh					2	0		
42	20200368	Nguyễn Văn	Tới					2	5		
43	20200372	Nguyễn Hữu	Triển					3	5		
44	20200375	Tổng Hải Ngọc	Trong					1	5		
45	20200381	Nguyễn Thành	Trung					3	5		
46	20200392	Nguyễn Đình	Tú					5	5		
47	20200397	Huỳnh Nguyễn Anh	Tuấn					2	5		
48	20200399	Nguyễn Anh	Tuấn					3	0		
49	20200400	Nguyễn Anh	Tuấn					2	0		
50	20200408	Trần Quang	Tuấn								

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Chữ ký:		

BẢNG ĐIỂM HIỆU CHÍNH
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2021 - 2023

Tên học phần: Khoa học Trái đất

Mã học phần: GEO 00002

Mã lớp: 22CMT

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên	Điểm trước hiệu chỉnh			Điểm sau khi hiệu chỉnh			Lý do điều chỉnh điểm
			Giữa kỳ	Cuối kỳ	Tổng kết	Giữa kỳ	Cuối kỳ	Tổng kết	
1	22220011	Nguyễn Duy	0,0			3,8			GV cho thi lại GK vì SV vắng thi
2									
3									
4									
5									

KHOA / BỘ MÔN

Ngày 19 tháng 05 năm 2023
CÁN BỘ CHẤM THI

Nam
Nguyễn Thị Quê Nam

gộp



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000945

Tên học phần: **Địa chất môi trường**

Mã học phần: GEO10060

Lớp: **20DCH21KDC** Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V à n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P/Thập phần		
1	19160019	Trần Thị Thu	Hiên					8	8		
2	20160005	Phan Thị Huyền	Trần					9	5	chín rưỡi	
3	20160006	Lê Phạm Quỳnh	Trang					7	0	Bảy	
4	20160007	Nguyễn Ngọc	Tuyến					7	5	Bảy rưỡi	
5	20160008	Lê Hải	Yến					8	0	Tám	
6	20160011	Lê Chí	Bảng					7	0	Bảy	
7	20160012	Lê Nguyễn Ngọc	Hân					9	0	chín	
8	20160013	Lê Xuân	Hoàng					9	0	chín	
9	20160015	Nguyễn Như	Huỳnh					8	5	Tám rưỡi	
10	20160016	Dương Bảo	Minh					7	5	Bảy rưỡi	
11	20160017	Phạm Bá	Nghĩa					8	0	Tám	
12	20160018	Lê Thị Hồng	Ngọc					8	0	Tám	
13	20160025	Mai Trần Như	Phương					8	5	Tám rưỡi	
14	20160030	Tạ Bội	Trần					9	5	chín rưỡi	
15	20160031	Lý Cung	Trúc					8	0	Tám	
16	20160033	Phạm Nguyễn Thủy	Vy					8	0	Tám	
17	21270009	Lê Quốc	Duy								
18	21270010	Đoàn	Luận					7	5	Bảy rưỡi	
19	21270011	Phạm Hoàng	Phúc					8	0	Tám	
20	21270013	Phan Phước	Sang					9	0	chín	
21	21270015	Lương Thành	Thông					7	5	Bảy rưỡi	
22	21270017	Lê Nguyễn Minh	Trí					8	0	Tám	
23	22160009	Đặng Minh	Luật					8	5	Tám rưỡi	
24											
25											

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: 1) Lê Thị Thuý Vân..... Chữ ký: Lan
2)..... Chữ ký: Lan

Họ, tên: Lê Thị Thuý Vân.....
Chữ ký: Lan

Họ, tên: Ngô Minh Tiến.....
Chữ ký: Nhan



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002388

Tên học phần: **Thủy địa hóa**Mã học phần: **GEO20204**Lớp: **20KDC**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	20270003	Nguyễn Văn	Hậu					9	0	chín	
2	20270004	Nguyễn Thị Bích	Ngọc					8	5	tám rưỡi	
3	20270005	Nguyễn Hoàng Khánh	Nguyễn					8	0	tám	
4											
5											
6											
7											
8											
9											
10											
11											
12											
13											
14											
15											
16											
17											
18											
19											
20											
21											
22											
23											
24											
25											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Lê Thị Thuý Vân</u> Chữ ký: <u></u> 2) Chữ ký:	Họ, tên: <u>Lê Thị Thuý Vân</u> Chữ ký: <u></u>	Họ, tên: <u>Ngô Minh Thuận</u> Chữ ký: <u></u>



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001400

Tên học phần: **Vật liệu composite và nanocomposite**

Mã học phần: **MSC10211**

Lớp: **20PO**

Ngày thi: **24/04/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **E305**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	19190148	Lý Gia	Bảo		Bảo			8	0	Tám	
2	20190036	Nguyễn Thành Tâm	Bảo		Bảo			3	0	Ba	
3	20190037	Lê Thu	Cầm		Thư			5	0	Năm	
4	20190038	Phạm Nguyễn Hải	Đăng					8	5	Tám rưỡi	
5	20190039	Trần Quốc	Đoàn					8	0	Tám	
6	20190040	Khổng Bảo	Duy					9	0	Chín	
7	20190043	Đặng Thị	Duyên					9	0	Chín	
8	20190046	Nông Thụy Bằng	Giang					6	0	Sáu	
9	20190048	Lê Phước	Hải					8	5	Tám rưỡi	
10	20190050	Nguyễn Thu	Hằng					8	5	Tám rưỡi	
11	20190057	Lê Hoàng	Khánh					8	0	Tám	
12	20190058	Nguyễn Trần Đăng	Khoa					7	0	Bảy	
13	20190066	Võ Ngọc Thùy	Linh					6	5	Sáu rưỡi	
14	20190077	Lê Yến	Nhi					8	0	Tám	
15	20190078	Trần Huỳnh Đông	Nhi					6	0	Sáu	
16	20190092	Nguyễn Thị Mỹ	Quyên					8	0	Tám	
17	20190102	Đình Quang	Thành					5	5	Năm rưỡi	
18	20190105	Nguyễn Ngọc	Thư					10	0	Mười	
19	20190117	Nguyễn Đức	Vinh					5	0	Năm	
20	20190119	Huỳnh Quang	Vũ					2	0	Hai	
21	20190120	Phạm Thanh	Vũ					1	0	Một	
22											
23											
24											
25											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Nguyễn Văn An</u> 1) <u>Nguyễn Văn An</u> Chữ ký: <u>[Signature]</u> 2) <u>Nguyễn Văn An</u> Chữ ký: <u>[Signature]</u>	Họ, tên: <u>Nguyễn Ngọc Uyên</u> Chữ ký: <u>[Signature]</u>	Họ, tên: <u>Nguyễn Ngọc Uyên</u> Chữ ký: <u>[Signature]</u>